| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ CHÍ LINH**<br>**TỈNH HẢI DƯƠNG** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Bản án số: 15/2019/ HNGĐ- ST<br>Ngày 18/9/2019<br>"V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" | |

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÍ LINH, TỈNH HẢI DƯƠNG**

***- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Bà Chu Thị Thu Hương

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Phạm Phúc Ân

2. Bà Nguyễn Thị Mai

***- Thư ký phiên toà:*** Bà Mạc Thị Thủy - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà:*** Bà Vũ Thị Lệ - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 106/2019/TLST - HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2019 về ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2019, quyết định hoãn phiên tòa số 09/2019/QĐST- ST ngày 28 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị L, sinh năm 1988

HKTT: Khu dân cư T, phường S, thành phố C, tỉnh H;

Nơi ở hiện nay: Số nhà 9, ngõ 4, đường T, khu dân cư T 1, phường S, thành phố C, tỉnh H;

Bị đơn: Anh Vũ Quang V, sinh năm 1987

Địa chỉ: Số nhà 69, đường T, khu dân cư T, phường S, thành phố C, tỉnh H.

Chị L, anh V đều vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các bản tự khai, biên bản hòa giải, nguyên đơn trình bày:

Chị L và anh V kết hôn ngày 9/9/2009, có đăng ký kết hôn tại UBND phường S, thành phố C, tỉnh H. Anh chị có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương. Sau ngày cưới, anh chị về chung sống tại số nhà 72A, đường T, khu dân cư T, phường S, thành phố C, tỉnh H là nhà bố mẹ đẻ anh V cho ở nhờ. Vợ chồng sinh sống được vài ngày đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh V có mải chơi lô đề, cờ bạc, gây thất thoát kinh tế gia đình. Bố mẹ đẻ anh V đã phải bán căn nhà cho vợ chồng ở để trả nợ. Trong gia đình có đồ dùng sinh hoạt có giá trị là thì anh V đều mang cắm ký. Mỗi lần anh V chơi cờ bạc thua là về sinh sự chửi bới vợ con. Ngoài ra, anh V làm nghề lái xe, mỗi tháng anh V chỉ đưa cho chị vài triệu để lo cho con, còn lại anh V mang chơi bời, tiêu xài cá nhân hết. Chị L phải đi làm bươn trải, lo lắng kinh tế cả gia đình. Thêm vào nữa, chị L có nghi ngờ anh V có quan hệ với người phụ nữ khác nên thay đổi tình cảm dành cho chị. Bản thân chị và gia đình đã nhiều lần khuyên bảo nhưng anh V không thay đổi. Đến tháng 3 năm 2019, mâu thuẫn vợ chồng xảy ra trầm trọng. Nguyên nhân là do anh V nợ nần nhiều nên nhiều người đến chỗ ở của anh chị đòi nợ, chửi bới. Do không thể chịu đựng được, chị L đi thuê nhà ở khu đô thị V, khu dân cư T 1, phường S để ở, vợ chồng sống ly thân từ đó. Anh V có đến chỗ chị L ở để kiếm cớ sinh sự, chửi bới chứ không có mục đích hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên kiên quyết giữ nguyên quan điểm xin ly hôn anh V.

Về con chung: Chị L và anh V có hai con chung là Vũ Như Q sinh ngày 13/5/2007 và Vũ Thu N sinh ngày 10/9/2012. Hiện cháu Q đang ở cùng anh V và ông bà nội, cháu N đang ở cùng chị. Nếu vợ chồng ly hôn, chị có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cháu N và giao cháu Q cho anh V trực tiếp nuôi dưỡng. Do hiện tại chị làm nghề bán cá ở chợ, thu nhập hàng tháng là 7.000.000đồng, chị chỉ có điều kiện nuôi một con chung. Anh V làm nghề lái xe, thu nhập hàng tháng là 20.000.000đồng, cháu Q lại ở với anh V và ông bà nội từ nhỏ nên chị đồng ý giao cháu Q cho anh V trực tiếp nuôi dưỡng. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung với bên nào.

Về tài sản: Chị L và anh V không có tài sản gì chung, không nợ ai, không ai nợ vợ chồng, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh V đã được Tòa án nhân dân thành phố C triệu tập nhiều lần hợp lệ nhưng anh không đến Tòa án, cũng như không trình bày quan điểm và ký kết bất kỳ văn bản nào của Tòa án để bảo vệ quyền và lợi ích của mình.

Qua xác minh với tổ trưởng dân phố,bố mẹ đẻ anh V và chị L xác định: Chị L và anh V kết hôn từ năm 2006, có đăng ký kết hôn tại UBND phường S. Quá trình anh chị sinh sống có phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh V có mải chơi cờ bạc dẫn đến nợ nần nhiều gây thất thoát kinh tế gia đình. Nhiều lần không có tiền, vợ chồng lại xảy ra cãi nhau, anh V có đánh đập chị L. Kể từ tháng 3 năm 2019, chị L thuê nhà ra chỗ khác ở, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị L kiên quyết xin ly hôn anh V, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa:

Chị L và anh V đều vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật án phí, lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Hoàng Thị L được ly hôn anh Vũ Quang V. Về quan hệ con chung: Giao con chung là Vũ Thu N sinh ngày 10/9/2012 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung là Vũ Như Q sinh ngày 13/5/2007 cho anh V trực tiếp nuôi dưỡng. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung với bên nào. Về quan hệ tài sản, nợ: Không đặt ra giải quyết. Về án phí: Chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

Chị Hoàng Thị L khởi kiện xin ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn đối với anh Vũ Quang V có địa chỉ cư trú tại phường S, thành phố C nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố C theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh Vũ Quang V là bị đơn không có yêu cầu phản tố, đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, chị L là nguyên đơn và có đơn xin xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh V, chị L.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị L và anh Vũ Quang V kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đủ tuổi, có đăng ký kết hôn theo luật định. Đây là hôn nhân hợp pháp. Anh chị có thời gian ngắn sinh sống hòa thuận, hạnh phúc thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh V mải chơi lô đề, cờ bạc, không quan tâm gia đình, vợ con. Kinh tế gia đình sa sút, anh chị phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Mặc dù được hai gia đình hòa giải nhưng không có kết quả mà mâu thuẫn vợ chồng càng trầm trọng hơn. Kể từ tháng 3 năm 2019, anh chị sống ly thân, không quan tâm gì đến nhau. Anh V có đến tìm chị L nhưng mục đích không phải đoàn tụ vợ chồng mà sinh sự, chửi bới, gây ảnh hưởng đến cuộc sống của chị L. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã kéo dài làm cho hôn nhân lâm vào trình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Anh V không trình bày quan điểm về việc chị L xin ly hôn, vắng mặt tại các buổi làm việc tại Tòa án không có lý do chính

đáng và nhằm gây khó khăn cho chị L. Đến nay, bản thân anh V không có biện pháp cải thiện quan hệ vợ chồng. Yêu cầu ly hôn của chị L phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận.

[2.2]. Về quan hệ con chung: Nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng con chung của chị L là chính đáng, phù hợp với trách nhiệm người làm cha làm mẹ. Xét điều kiện về nuôi con của chị L và anh V thì thấy: Chị L làm nghề buôn bán, thu nhập hàng tháng là 7.000.000đồng, anh V làm lái xe, thu nhập hàng tháng là 20.000.000đồng. Cháu N còn nhỏ, cần có mẹ chăm sóc, cháu lại thường xuyên sinh sống cùng chị L từ trước cho đến nay. Đối với cháu Q đã lớn, có thể tự chủ động trong sinh hoạt hằng ngày, cháu ở với anh V và ông bà nội từ nhỏ. Vì vậy, cần giao cháu N cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Q cho anh V trực tiếp là phù hợp với điều kiện thực tế của anh chị, đảm bảo điều kiện sinh sống, học hành của các cháu và phù hợp với nguyện vọng cháu Q, cháu N, phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Về cấp dưỡng: Chị L và anh V mỗi người trực tiếp nuôi dưỡng một con chung nên không phải cấp dưỡng nuôi con chung với nhau.

[2.3]. Về quan hệ tài sản, nợ: Chị L và anh V không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa không xét.

[2.4]. Về án phí: Chị L là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật án phí, lệ phí và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật án phí, lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị L:

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Hoàng Thị L ly hôn anh Vũ Quang V.

- Về quan hệ con chung: Xử giao con chung Vũ Như Q sinh ngày 13/5/2007 cho anh V trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung là Vũ Thu N sinh ngày 10/9/2012 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung với bên nào.

Chị L, anh V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Về quan hệ tài sản, nợ: Không đặt ra giải quyết.

- Về án phí: Chị Hoàng Thị L phải nộp 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm, đối trừ với số tiền 300.000đồng chị L đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0006117 ngày 19/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C, tỉnh H.

- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**
- VKSND thành phố C;
- Các đương sự;
- UBND phường S, thành phố C (để ghi vào sổ hộ tịch);
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Chu Thị Thu Hương**